

Bản án số: 11/2019/HS-ST

Ngày: 15-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoàng Phương;

2. Ông Trần Bình Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạ M Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạ M Tấu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bản Mù, huyện Trạ M Tấu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại thôn Mù Thấp, xã Bản Mù, huyện Trạ M Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Cứ Thị S, sinh năm 1968 tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông C (đã chết) và con bà M, sinh năm 1951; có chồng là Phàng A K và 06 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 04-3-2019 đến ngày 05-3-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; “Có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hoa - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt - Có lời bào chữa gửi Tòa án”.

- Người chứng kiến: Anh Giàng A N, sinh năm 1976; nơi cư trú thôn km 14 + 17, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Mùa A Làng - Cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 04-3-2019 tại thôn Km 21+Mo Nhang, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Cừ Thị S có hành vi tàng trữ trái phép trong túi quần bên trái, chiếc quần đang mặc trong váy, 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. S khai nhận là thuốc phiện, bị cáo mua của bà D ở khu vực đường tỉnh lộ 174 tại km 21, với giá 300.000 đồng; mục đích bị cáo mua thuốc phiện về để sử dụng chữa đau răng và hút, do bị cáo nghiện thuốc phiện.

Tại bản kết luận giám định số: 63/GĐMT ngày 12-3-2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Cừ Thị S có khối lượng là 2,98 gam (*hai phẩy chín mươi tám gam*) là ma túy; là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-TT ngày 18-6-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Cừ Thị S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Cừ Thị S khai nhận toàn bộ hành vi mình đã thực hiện, vào ngày 04-3-2019.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Cừ Thị S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cừ Thị S từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với: 2,98 gam thuốc phiện thu giữ của Cừ Thị S, cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) vỏ phong bì thư do Bưu điện Việt Nam phát hành, đã mở niêm phong; 01 (*một*) bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 (*một*) chiếc quần vải dài màu đen đã cũ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Chủ tọa phiên tòa công bố lời bào chữa của người bào chữa: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không biết chữ, không nghe và nói được tiếng phổ thông, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cù Thị S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nhất trí với lời bào chữa; không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự; bản thân ốm đau, bệnh tật; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13 giờ, ngày 04-03-2019 tại thôn Km21+Mo Nhang, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Cù Thị S có hành vi cất giữ bất hợp pháp trong túi quần bên trái, chiếc quần đang mặc trong váy 2,98 gam (*hai phẩy chín mươi tám gam*) thuốc phiện, với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo Cù Thị S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy (thuốc phiện) đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. 2,98 gam thuốc phiện mà bị cáo S tàng trữ đã đủ về lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo S thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người;

là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Cự Thị S thực hiện đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt và tại phiên tòa, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Cự Thị S là người nghiện chất ma túy, nên cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[6] Từ những đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo S ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cai nghiện; đồng thời giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo S không có tài sản gì có giá trị; thuộc diện hộ nghèo của xã (có giấy xác nhận), nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với: 2,98 gam thuốc phiện thu giữ của Cự Thị S, cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với: 01 (*một*) vỏ phong bì thư do Bưu điện Việt Nam phát hành, đã mở niêm phong; 01 (*một*) bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện. Đây là những vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (*một*) chiếc quần vải dài màu đen đã cũ, đã qua sử dụng. Đây là vật bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Về án phí và các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông là người bị cáo S khai đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cù Thị S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cù Thị S 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 02 (*hai*) ngày tạm giữ.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) vỏ phong bì thư do Bưu điện Việt Nam phát hành, đã mở niêm phong; 01 (*một*) bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 (*một*) chiếc quần vải dài màu đen đã cũ, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã P;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

VŨ XUÂN

